

THAM LUẬN TẠI HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ

Về công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản trong công tác quản lý tài nguyên địa chất

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

- Đánh giá được tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên đất liền.

+ *Công tác điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản*: Từ năm 2012 đến năm 2021 đã hoàn thành 22 đề án đánh giá khoáng sản từ ngân sách nhà nước. Đang triển khai các đề án đánh giá tổng thể khoáng sản vùng Tây Bắc và vùng Trung Trung Bộ, trong đó có các đề án điều tra, đánh giá các loại khoáng sản tại các tỉnh phía Bắc, cát trắng dải ven biển miền Trung. Về tiến độ, theo Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 (gọi tắt là Quy hoạch 1388), đến hết năm 2020 phải hoàn thành 56 đề án đánh giá khoáng sản, đến nay mới hoàn thành **22/56** đề án (đạt 39,2%). Phần lớn các đề án còn lại được tích hợp vào Đề án đánh giá tổng thể khu vực Tây Bắc và Trung Trung Bộ đang được triển khai. Hầu hết các khoáng sản quan trọng đã được điều tra, đánh giá; một số loại khoáng sản quan trọng, có tiềm năng lớn đã phát hiện và xác định tài nguyên.

+ *Công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển*: Từ năm 2012 đến năm 2021, công tác điều tra địa chất, khoáng sản, địa chất môi trường và tai biến địa chất vùng biển Việt Nam từ 0-30m nước tỷ lệ 1:100.000 đã hoàn thành 5 dự án với trên diện tích 18.388 km². Đồng thời, đã hoàn thành dự án “Điều tra địa mạo, địa chất, khoáng sản một số đảo và cụm đảo lớn, quan trọng”. Tổng cộng, tính cả trước năm 2012, đã hoàn thành 41.100 km², đạt 42,19% (tổng diện tích biển ven bờ 0-30m nước là 97.431 km²). Thực hiện “Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020”, đã hoàn thành 01 đề án trên diện tích 22.500 km² (60-100m nước), đang triển khai 02 đề án (50-300m nước và 500-2.500m nước) trên diện tích 266.050 km². Như vậy, mặc dù không hoàn thành mục tiêu điều tra vùng biển Việt Nam từ 0-30m nước tỷ lệ 1:100.000 nhưng công tác điều tra địa chất khoáng sản biển đã thực hiện được các nhiệm vụ ngoài 30 m nước nhằm mở rộng diện tích điều tra ở độ sâu lớn hơn, đối tượng khoáng sản mới và nằm ở xa hơn, sâu hơn (như: băng cháy, quặng sắt - mangan kết hạch,...), góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam

- Về thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản:

+ Đã có 25 đề án được triển khai nhưng hầu hết được tiến hành trên diện tích nhỏ, chỉ tập trung điều tra một số vị trí quặng có triển vọng nhất. Vốn đầu tư

thấp, trung bình khoảng 4,1 tỷ/đề án.

Triển khai mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, Chính phủ đã ban hành chương trình hành động với một số nhiệm vụ trọng tâm về quản lý tài nguyên khoáng sản gồm:

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thiết lập tài khoản quốc gia về các loại khoáng sản chiến lược quan trọng.

- Thúc đẩy chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu thô khoáng sản; có chiến lược dự trữ, nhập khẩu khoáng sản chiến lược, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khoáng sản; có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

Đến năm 2025 (theo Nghị quyết 06/NQ-CP)

- 85% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000;

+ *Công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỉ lệ 1: 50.000 phần đất liền:* trước năm 2012, công tác này đạt 60,35 % diện tích đất liền. Thực hiện Quy hoạch 1388, từ năm 2012 đến 2022 đã hoàn thành 16 đề án, nâng tổng diện tích đã lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản lên 251.786 km², đạt gần gần 76,02% diện tích đất liền. Kết quả đã phát hiện, điều tra sơ bộ hàng trăm điểm khoáng sản các loại, khoanh định nhiều khu vực có tiềm năng, triển vọng để chuyển sang giai đoạn đánh giá xác định tài nguyên. Bước đầu đã phát hiện các cấu trúc thuận lợi, những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản như quặng đất hiếm trong vỏ phong hóa ở vùng Tây Bắc, Trung Bộ; Khoáng sản kim loại ẩn sâu vùng Tây Bắc; Xác định các dấu hiệu của hoạt động kiến tạo, đứt gãy, trượt lở nhằm cảnh báo thiên tai.

+ 80% diện tích vùng biển và hải đảo được bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:250.000: trước năm 2012, công tác này chưa thực hiện; đến nay đã thực hiện bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:250.000 trên diện tích khoảng 250.000 km² tương ứng khoảng 25% diện tích vùng biển và hải đảo (Đề án: Bay đo từ và trọng lực tỷ lệ 1:250.000 vùng biển và hải đảo Việt Nam).

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

1.2.1. Nhiệm vụ tổng hợp

Cục đã triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp và thống nhất về tài nguyên khoáng sản theo chuẩn quốc tế. Có cơ chế phù hợp khai thác, chia sẻ thông tin, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu đảm bảo tính tổng hợp, toàn diện về tài nguyên địa chất, khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật. Nhiệm vụ đó đã được Cục lồng ghép trong các đề án Chính phủ như Đề án “Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội”; Đề án “Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các đề án điều tra địa chất, khoáng sản; Khoáng sản độc hại khác đang thực hiện. Theo đó đã cơ bản đạt được các mục tiêu:

+ Có được cơ sở dữ liệu tổng hợp về địa chất và khoáng sản vùng Tây Bắc và một số khu vực phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội của vùng cũng như của quốc gia

+ Xây dựng hệ thống các phần mềm công cụ xử lý dữ liệu địa chất phục vụ trực tiếp công tác điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỉ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc và áp dụng cho các đề án địa chất tiếp theo.

+ Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản, góp phần tạo ra đội ngũ cán bộ kỹ thuật có kỹ năng ứng dụng CNTT cho các đơn vị thuộc Cục Địa chất Việt Nam.

+ Bước đầu tiếp thu được công nghệ tiên tiến trên thế giới để xây dựng bản đồ địa chất khoáng sản dạng ba chiều (3D).

+ Có cơ chế khai thác, chia sẻ thông tin, sử dụng dữ liệu của Đề án một cách phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ hiện tại, bằng các tài khoản được cấp cho người sử dụng với mức độ phân quyền tương ứng với các cấp độ người dùng, từ lãnh đạo quản lý và đến chuyên viên xử lý dữ liệu.

1.2.2. Nhiệm vụ cụ thể về tài nguyên khoáng sản

a) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên khoáng sản.

- Coi trọng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục đã và đang triển khai thực hiện đánh giá tiềm năng một số khoáng sản quan trọng như titan, than, urani, bauxit, sắt, chì - kẽm, đá hoa trắng, các khoáng chất công nghiệp... Việc đánh giá các khoáng sản nêu trên được thể hiện ở các dự án như sau:

+ Kết quả thực hiện Đề án “Điều tra đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng bauxit, quặng sắt laterit miền Nam Việt Nam” đã xác định được tổng tài nguyên quặng bauxit cấp 333+334a trên diện tích điều tra đạt 4.838 triệu tấn quặng nguyên khai (1.873 triệu tấn quặng tinh) đạt 121% mục tiêu đề án, trong đó tài nguyên dự tính cấp 333 đạt được là 1.666 triệu tấn quặng nguyên khai (664 triệu tấn quặng tinh); khoanh định và xác định được tài nguyên quặng sắt laterit cấp 334a đạt được là 2.298 triệu tấn quặng tinh (sau tuyển rửa) đạt 240% mục tiêu đề án. Đề án cũng đã thống kê, tổng hợp tài nguyên, trữ lượng bauxit miền Nam Việt Nam là 9.206 triệu tấn quặng nguyên khai (3.500 triệu tấn quặng tinh), trong đó trữ lượng cấp 121+122 là 3.112 triệu tấn quặng nguyên khai (1.167 triệu tấn quặng tinh); tài nguyên dự tính cấp 222+333 là 2.923 triệu tấn quặng nguyên khai (1.125 triệu tấn quặng tinh); tài nguyên dự báo cấp 334a là 3.172 triệu tấn quặng nguyên khai (1.209 triệu tấn quặng tinh). Số liệu tài nguyên này là tin cậy và đầy đủ, là cơ sở khoa học để xây dựng các quy hoạch sử dụng tài nguyên và phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên.

Từ những kết quả nêu trên, đề án đã lựa chọn được 15 khu mỏ có tổng diện tích 1648km² có quặng bauxit và 7 khu mỏ có quặng sắt laterit với tổng diện tích 2014km² ở Gia Lai và Đắk Lắk đủ điều kiện để chuyển giao quy hoạch thăm dò, khai thác. Ngoài ra, kết quả điều tra cùng hệ thống số liệu phong phú đã góp phần làm rõ đặc điểm phân bố và mặt cắt các tầng đá bazan, quy luật hình thành, bảo tồn vỏ phong hóa laterit trên đá bazan và quy luật phân bố quặng sắt laterit và quặng bauxit, đã đóng góp quan trọng để hiểu biết rõ hơn các hoạt động địa chất trong Neogen – Đệ tứ, trong vùng nhiệt đới ẩm nói riêng và hiểu biết rõ hơn về cấu trúc địa chất và tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

+ Đã triển khai công tác đánh giá tổng thể tiềm năng than phân đất liền, Bể Sông Hồng. Kết quả công tác đánh giá này bước đầu đã làm rõ diện và độ sâu chứa than, tiềm năng tài nguyên, chất lượng, khả năng khai thác than của Bể Sông Hồng; xác định rõ tại vùng Tiền Hải, Thái Bình. Theo đó, tổng toàn bộ tài nguyên than phân đất liền bể Sông Hồng (ở các cấp 333+334a+334b) là 212.676.990 ngàn tấn, trong đó: tài nguyên cấp 333 là: 5.649.218 ngàn tấn gồm khu Bình Minh - Khoái Châu (845.696 ngàn tấn), đánh giá mới trên diện tích 265 km² khu Tiền Hải (4.803.521 ngàn tấn); tài nguyên cấp 334a (cấp dự báo) là: 24.396.726 ngàn tấn; tài nguyên cấp 334b (cấp phỏng đoán) là: 182.631.045 ngàn tấn.

+ Đã triển khai đề án "Thăm dò quặng Urani khu Pà Lừa - Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam". Mục tiêu của đề án là thăm dò quặng urani để đạt 5.500 tấn U₃O₈ trữ lượng cấp 122; Xác định chất lượng, khả năng thu hồi và điều kiện khai thác mỏ nhằm chuẩn bị cơ sở nguyên liệu khoáng phục vụ chiến lược an ninh năng lượng Quốc gia.

+ Đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bắt đầu thi công năm 2018. Với mục tiêu cụ thể là: Hoàn thành công tác đo vẽ lập bản đồ địa chất, điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc gồm diện tích của các nhóm tờ còn lại đã được quy hoạch; làm rõ tiềm năng tài nguyên các loại khoáng sản, các tài nguyên địa chất khác; phát hiện 30 đến 35 mỏ mới (vàng, thiếc, wolfram, khoáng chất công nghiệp, đất hiếm, mangan, antimon, nước nóng); Khoanh định các cấu trúc địa chất thuận lợi để đánh giá khoáng sản ẩn, sâu, xác định những thành tạo địa chất chứa quặng ẩn, sâu; tổng hợp, đo vẽ bổ sung, thành lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:250.000 vùng Tây Bắc và từng tỉnh; đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật địa chất của Cục thông qua thực tiễn triển khai Đề án, với sự tham gia của các nhà khoa học địa chất trong nước và nước ngoài. Nâng cao năng lực công tác điều tra địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản, phân tích mẫu, địa vật lý và ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Đang triển khai Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế xã hội" kết quả điều tra của đề án sẽ góp phần thúc đẩy các dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, góp

phần tăng trưởng GDP, tạo công việc làm, phát triển hạ tầng giao thông, năng lượng. Là cơ sở tài liệu quan trọng để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, xây dựng quy hoạch điều tra, thăm dò khai thác khoáng sản, quy hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế xã hội các tỉnh trong vùng Trung Trung Bộ.

- Chú trọng điều tra cơ bản địa chất khoáng sản vùng biển sâu, phát hiện các loại khoáng sản mới.

Cục đang triển khai đề án: “Điều tra, đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng lãnh thổ, phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng dải ven bờ biển Việt Nam”, đề án kết thúc năm 2023, Kết quả của dự án là cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc quy hoạch xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng dải ven biển phục vụ phát triển kinh tế biển (khu đô thị biển, khu du lịch biển, công nghiệp biển...), đảm bảo tính bền vững, ổn định của công trình, đồng thời chỉ ra các vị trí thuận lợi cho quy hoạch xây dựng hệ thống đê biển, kè biển để bảo vệ bờ biển và cơ sở hạ tầng dải ven biển trong điều kiện biến đổi khí hậu đang có diễn biến rất phức tạp.

Cục Địa chất Việt Nam đang triển khai thực hiện đề án “Đánh giá tài nguyên khoáng sản, phục vụ khai thác cát biển, đáp ứng nhu cầu san lấp các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, đô thị vùng đồng bằng Sông Cửu Long”. Kết quả của dự án sẽ trả lời được câu hỏi có hay không nguyên liệu cát biển làm vật liệu san lấp các công trình đô thị vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

b) Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên khoáng sản.

- Đối với loại khoáng sản chiến lược đặc thù như than, dầu khí... cần có chính sách cụ thể, cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu.

+ Khoáng sản than: Công tác thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản than cho đến nay đạt được các nội dung cơ bản của định hướng chiến lược, than nâu vùng đồng bằng Sông Hồng khoan sâu đến 1100m. Tuy nhiên, đến nay chưa nghiên cứu và lựa chọn được phương pháp khai thác thử nghiệm đối với than nâu vùng đồng bằng Sông Hồng như Chiến lược khoáng sản đề ra.

+ Khoáng sản phóng xạ (urani): Về cơ bản, đã hoàn thành mục tiêu về trữ lượng khi thăm dò quặng urani tại Pà Lừa - Pà Ròng (Quảng Nam). Tuy nhiên, do đang tạm dừng triển khai xây dựng nhà máy điện nguyên tử tại Ninh Thuận nên chưa tiến hành nghiên cứu công nghệ khai thác, chế biến quặng urani để phục vụ nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy điện nguyên tử mà Chiến lược đã đặt ra.

- Khoáng sản kim loại

+ Quặng titan - zircon: Cơ bản mục tiêu về thăm dò đã đạt được kết quả đáng kể. Tuy nhiên, đối với định hướng xây dựng các nhà máy chế biến sâu quặng titan) tại khu vực Lương Sơn (tỉnh Bình Thuận); xây dựng các nhà máy chế biến sâu

quặng titan (rutil nhân tạo, pigment, titan xốp, titan kim loại) đều không đạt mục tiêu, tiến độ đề ra và còn khó khăn trong giai đoạn tới.

+ Quặng bauxit: Công tác thăm dò các mỏ bô-xit vùng Tây Nguyên, Bình Phước cơ bản hoàn thành với trữ lượng quặng bô-xit đủ để xây dựng ngành công nghiệp khai thác, chế biến lâu dài. Đã hoàn thành xây dựng, vận hành 02 tổ hợp khai thác bô-xit - alumin tại Tân Rai (Lâm Đồng) và Nhân Cơ (Đắk Nông) với công nghệ sản xuất alumin thuộc loại tiên tiến và bắt đầu hoạt động có hiệu quả là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu mở rộng quy mô đầu tư trong thời gian tới. Đã triển khai nghiên cứu khả thi nhà máy sản xuất nhôm kim loại tại Đắk Nông.

+ Quặng đất hiếm: đã hoàn thành thăm dò các mỏ Đông Pao (Lai Châu) và Yên Phú (Yên Bái). Tuy nhiên, các dự án khai thác, chế biến quặng đất hiếm tại mỏ Đông Pao (dự kiến năm 2019) có sản phẩm tinh quặng nhưng không đảm bảo mục tiêu và đang tạm dừng hoạt động, chưa có công nghệ đầu tư chế biến sâu đất hiếm phù hợp. Dự án khai thác, tuyển tinh quặng đất hiếm tại Yên Bái cũng chậm tiến độ, mục tiêu đặt ra.

1.3. Kết quả thực hiện các giải pháp.

Các giải pháp đề ra trong Nghị quyết, Chiến lược và Quy hoạch đã được triển khai thực hiện, trong đó đáng chú ý là việc tập trung triển khai các giải pháp về: tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý tài nguyên khoáng sản; tăng cường quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật về lĩnh vực địa chất, khoáng sản đặc biệt trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hoá nguồn lực cho quản lý tài nguyên khoáng sản; tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về quản lý tài nguyên khoáng sản.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

2.1. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ

2.1.1. Nhiệm vụ tổng hợp

Công tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài chưa được thực hiện đáng kể do các doanh nghiệp còn thiếu thông tin, thiếu vốn và năng lực, cũng như các chính sách, yêu cầu của các nước còn nhiều khó khăn.

Nội dung hợp tác quốc tế, đầu tư ra nước ngoài trong điều tra, thăm dò, khai thác than, quặng sắt, thạch cao, muối mỏ và các loại khoáng sản khác ở nước ngoài: chưa có kết quả đáng kể.

2.1.2. Nhiệm vụ cụ thể về tài nguyên khoáng sản

(1). Công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 không hoàn thành mục tiêu đề ra.

(2). Mục tiêu khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài không đạt kỳ vọng mong muốn.

(3). Một số định hướng về thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đối với một số loại khoáng sản nêu trong Chiến lược quá chi tiết, cụ thể làm cho việc thực hiện trở nên khó khăn, cứng nhắc, thiếu năng động, một số nội dung đã không phù hợp với thị trường.

(4). Chính sách bảo vệ, sử dụng và dự trữ tài nguyên khoáng sản đã không được thực hiện triệt để.

(5). Về chính sách khoa học và công nghệ: chưa có các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác khoáng sản ẩn sâu.

(6). Về quản lý và quy hoạch: Một số nội dung trong quy hoạch thiếu thực tế, tính khả thi.

(7). Chính sách về ưu đãi nghề: việc xây dựng cơ chế ưu đãi nghề phù hợp với đặc thù nghề nghiệp, đảm bảo ổn định phát triển nguồn nhân lực cho điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản chưa thực hiện được.

(8). Chính sách bảo vệ môi trường thực hiện chưa triệt để.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

(1). Công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 không hoàn thành mục tiêu đề ra do các nguyên nhân sau:

- Không đủ vốn cấp. Ngân sách Nhà nước mới đáp ứng được 52,82% nhu cầu thực tế cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

- Công tác điều tra địa chất, khoáng sản biến tỉ lệ 1/500.000 trên toàn diện tích khó khả thi do thiếu phương tiện, thiết bị, vốn điều tra và do tình hình Biển Đông phức tạp.

(2). Mục tiêu khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài không đạt kỳ vọng mong muốn. Nguyên nhân do các doanh nghiệp còn thiếu thông tin, thiếu vốn và năng lực, cũng như các chính sách, yêu cầu của các nước sở tại còn nhiều khó khăn.

(3). Một số định hướng về thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đối với một số loại khoáng sản nêu trong Chiến lược quá chi tiết, cụ thể làm cho việc thực hiện trở nên khó khăn, cứng nhắc, thiếu năng động, một số nội dung trở nên lạc hậu với thị trường. Nguyên nhân chủ quan là do thiếu thông tin, việc đưa ra các định hướng còn mang tính chủ quan, duy ý chí.

(4). Chính sách bảo vệ, sử dụng và dự trữ tài nguyên khoáng sản đã không được thực hiện triệt để do:

- Chưa có hướng dẫn cụ thể cho các địa phương lập kinh phí hàng năm cho công tác tuyên truyền phổ biến về pháp luật khoáng sản; bảo vệ môi trường, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

- Việc phân cấp thẩm quyền xử lý vi phạm cho chính quyền cấp huyện và cấp xã còn hạn chế và chưa phù hợp, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và xử lý;

- Thiếu sự phối hợp giữa chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương giáp ranh trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không phép, khai thác không đúng với giấy phép được cấp.

- Công tác tuyên truyền chưa đa dạng về hình thức, chưa làm rõ vai trò trách nhiệm của nhân dân địa phương trong thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, vận động, tuyên truyền nhân dân kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan chức năng khi có hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không phép xảy ra trên địa bàn.

(5). Về chính sách khoa học và công nghệ: chưa có các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác khoáng sản ẩn sâu.

(6). Về quản lý và quy hoạch: Một số nội dung trong quy hoạch thiếu thực tế, tính khả thi: ví dụ đề ra rất nhiều mục tiêu lớn trong khi vốn đầu tư cho thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản còn hạn chế; một số quy hoạch chậm điều chỉnh, chất lượng quy hoạch còn hạn chế (quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng một số loại khoáng sản).

(7). Chính sách về ưu đãi nghề: việc xây dựng cơ chế ưu đãi nghề phù hợp với đặc thù nghề nghiệp, đảm bảo ổn định phát triển nguồn nhân lực cho điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản chưa thực hiện được.

(8). Chính sách bảo vệ môi trường thực hiện chưa triệt để.

Nguyên nhân:

- Công nghệ chế biến khoáng sản ở nước ta phần lớn lạc hậu;
- Khai thác khoáng sản trái phép chưa được xử lý triệt để (nhất là khai thác cát trái phép) xảy ra trên phạm vi nhiều tỉnh không được kịp thời ngăn chặn;
- Chưa kiểm tra sát sao các dự án sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản về việc chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật và bảo vệ môi trường;
- Chưa có chế tài nghiêm khắc đối với các Doanh nghiệp chưa thực hiện triệt để các giải pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

III. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU, CẤP BÁCH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Các quan điểm, mục tiêu

+ Về quan điểm

- Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải đi trước một bước và phải được tiến hành trên toàn bộ phần đất liền và vùng biển, thềm lục địa Việt Nam;

Điều tra, đánh giá đầy đủ các điều kiện địa chất, tiềm năng tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên địa chất khác. Thông tin, dữ liệu, kết quả điều tra địa chất, khoáng sản phải được quản lý tập trung, thống nhất, cung cấp kịp thời, hiệu quả cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Tập trung điều tra, đánh giá các khoáng sản chiến lược, quan trọng: Điều tra tai biến địa chất phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, điều tra địa chất đô thị, địa chất môi trường, di sản địa chất; thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ giá trị tài nguyên khoáng sản quốc gia; Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về địa chất, khoáng sản, tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu chung của lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đảm bảo tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường.

- Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách và có chính sách thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản. Huy động các nguồn lực trong nước để đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, trình độ công nghệ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

+ Về mục tiêu: Mục tiêu tổng quát; mục tiêu cụ thể

Mục tiêu tổng quát

Hoàn thành lập bản đồ địa chất khoáng sản tỉ lệ 1:50.000, đánh giá tiềm năng khoáng sản phân đất liền; điều tra tai biến địa chất, địa chất môi trường, khoáng sản độc hại, phóng xạ, địa chất đô thị, di sản địa chất; điều tra, phát hiện khoáng sản tại vùng biển, đảo, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam; cập nhật, tích hợp kịp thời thông tin, kết quả điều tra địa chất và khoáng sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thành 80% diện tích lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Tây Bắc, Trung Trung Bộ.

- Điều tra, khoanh vùng cảnh báo trượt lở đất đá, lũ quét tại các tỉnh miền núi có nguy cơ cao; điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ.

- Điều tra đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, địa động lực và tài nguyên, môi trường vùng biển ven bờ tỷ lệ 1:100.000; điều tra địa chất, khoáng sản một số khu vực biển đến độ sâu 300m nước và 1.500m tỷ lệ 1:500.000.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thành 85% diện tích lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ;

- Điều tra địa chất đô thị không gian ngầm khu vực thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ;

- Điều tra, đánh giá lập bản đồ tai biến địa chất, địa chất môi trường các tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long; lập bản đồ di sản địa chất toàn quốc; hoàn thành điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ;

- Hoàn thành điều tra địa chất, đánh giá khoáng sản tại các khu vực biển ven bờ có triển vọng khoáng sản sa khoáng và vật liệu xây dựng; Điều tra địa chất tỷ lệ 1:500.000 một số vùng biển sâu, vùng biển quốc tế liền kề, gắn với tìm kiếm, phát hiện các khoáng sản biển sâu (kết hạch sắt - mangan, khí hydrate,...);

- Hoàn thành điều tra, cảnh báo, xác định nguyên nhân trượt lở, sụt lún đất đá trên toàn bộ lãnh thổ;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về địa chất khoáng sản đồng bộ, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia; hoàn thiện hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ có hiệu quả công tác điều tra địa chất, khoáng sản; Kiện toàn và xây dựng các đơn vị địa chất tinh gọn, có năng lực chuyên môn, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ có chất lượng và hiệu quả.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

- Hoàn thành điều tra lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000, đánh giá khoáng sản tại các khu vực có triển vọng trên phần đất liền; phát hiện, điều tra các khoáng sản ở vùng biển Việt Nam;

- Điều tra địa chất đô thị không gian ngầm các thành phố trực thuộc Trung ương, trực thuộc tỉnh;

- Điều tra, lập bản đồ địa hóa đất - vỏ phong hóa, cảnh báo tai biến địa chất chi tiết các khu vực miền núi và trung du; điều tra địa chất môi trường phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản;

- Hoàn thành điều tra, lập bản đồ di sản địa chất, công viên địa chất trên toàn quốc.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao về từng lĩnh vực điều tra địa chất, khoáng sản; hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ điều tra địa chất, đánh giá khoáng sản đạt chất lượng, hiệu quả và độ tin cậy cao.

3.2. Các nhiệm vụ

3.2.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: gồm các nhiệm vụ đang thực hiện và các nhiệm vụ tại các khu vực có triển vọng phát hiện khoáng sản và khu vực 3 tỉnh ven biển phía tây nam ĐBSCL chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu;

- Bay đo địa vật lý: gồm các nhiệm vụ đang thực hiện và bay đo tại khu vực có triển vọng phát hiện cấu trúc có triển vọng khoáng sản ở Tây Nghệ An;

- Điều tra địa chất đô thị: Điều tra địa chất không gian ngầm đô thị tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000 khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ; điều tra địa chất, địa chất công trình và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ xây dựng các tuyến đường giao thông trọng điểm quốc gia.

- Điều tra tai biến địa chất, địa chất môi trường: nhiệm vụ điều tra, cảnh báo sấm trượt lở đất đá, lũ quét khu vực miền núi, trung du; điều tra sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long; điều tra hiện trạng môi trường phóng xạ, khoáng sản độc hại.

- Điều tra di sản địa chất: Điều tra, đánh giá tiềm năng di sản địa chất phục vụ bảo tồn di sản địa chất, phát triển và quản lý mạng lưới công viên địa chất ở Việt Nam; điều tra hệ thống tài nguyên vị thế, kỳ quan địa chất vùng biển, đảo Việt Nam.

- Đánh giá tiềm năng khoáng sản phần đất liền: gồm các nhiệm vụ thực hiện tại các khu vực Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và các nhiệm vụ phục vụ nhu cầu cấp thiết về nhiên, nguyên liệu khoáng (than, vật liệu xây dựng) phục vụ các dự án, công trình trọng điểm.

- Điều tra địa chất, khoáng sản vùng biển: gồm các nhiệm vụ đang thực hiện; điều tra địa chất tỷ lệ 1:500.000 vùng biển sâu gắn với tìm kiếm, phát hiện các khoáng sản biển sâu (kết hạch sắt - mangan, khí hydrate,...); đánh giá khoáng sản làm vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ các công trình trọng điểm.

- Các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản; thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản rắn; tăng cường năng lực thiết bị công nghệ phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Các nhiệm vụ trọng tâm sẽ được ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2021-2030, bao gồm 51 nhiệm vụ.

3.2..2. Các nhiệm vụ khuyến khích các tổ chức, cá nhân góp vốn

Các nhiệm vụ khuyến khích các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư gồm các nhiệm vụ đánh giá khoáng sản (trừ khoáng sản phóng xạ, khoáng sản độc hại).

Các nhiệm vụ được xác định cụ thể trên cơ sở các kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ, sẽ khoanh định các khu vực có triển vọng trở thành mỏ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư đánh giá chi tiết, xác định tài nguyên khoáng sản của mỏ.

3.2.3. Các nhiệm vụ định hướng thực hiện đến năm 2050

Bao gồm các nhiệm vụ thuộc nội dung điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhưng chưa có tính cấp thiết, được triển khai sau năm 2030. Gồm: lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền phần diện tích còn lại; hiệu đính, lấp ghép bản đồ địa chất khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 toàn quốc; lập bản đồ địa hóa đất và vỏ phong hóa các khu vực miền núi và trung du; Điều tra địa chất đô thị các thành phố còn lại; Điều tra tai biến địa chất, địa chất môi trường tại khu vực có dự án khai thác, chế biến khoáng sản; đánh giá tiềm năng khoáng sản khí đá phiến, địa nhiệt, đá carbonat, nước khoáng trên phạm vi toàn quốc; Đánh giá

khoáng sản các khu vực Đông Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ; tiếp tục điều tra địa chất vùng biển sâu gắn với tìm kiếm, đánh giá triển vọng các khoáng sản biển sâu (kết hạch sắt - mangan, khí hydrate,...).

IV. KIẾN NGHỊ

- Xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản nhằm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước đối với ngành địa chất, khoáng sản, phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, khắc phục những tồn tại, bất cập nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về địa chất và tài nguyên khoáng sản, thúc đẩy hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trong giai đoạn mới.

- Đề nghị Chính phủ có kế hoạch bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ; đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản của Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch 680) nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, mục tiêu đề ra.

CỤC ĐỊA CHẤT VIỆT NAM